

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU    CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2019/HNGĐ-PT  
Ngày: 26 - 4 - 2019  
V/v Tranh chấp chia tài sản chung  
và nợ sau ly hôn

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU**

***- Th phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn A Đam

*Các Thẩm phán:* Ông Hồ Minh Tấn

Bà Nguyễn Thị H

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Bùi Thị Huệ là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Ngọc Dẽ - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 07/2019/TLPT-HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2019 về việc: “*Tranh chấp về chia tài sản sau khi ly hôn*”. Do bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 272/2018/HNGĐ-ST ngày 29 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Đầm D bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 03/2019/QĐ-PT ngày 18 tháng 02 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Lâm Tuấn K, sinh năm 1968 (có mặt)

- *Bị đơn:* Chị Phạm Kiều D, sinh năm 1975 (có mặt)

Cùng cư trú: Ấp Vàm Đ, xã Nguyễn H, huyện Đầm D, tỉnh Cà Mau.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện Đầm D.

Địa chỉ: Khóm 4, thị trấn Đầm D, huyện Đầm D, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hồ Thanh Th, sinh năm 1978 – Trưởng phòng Kế hoạch – Kinh doanh (có mặt)

2. Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam – Phòng giao dịch ngân hàng chính sách xã hội huyện Đầm D (vắng mặt)

Địa chỉ: Khóm 1, thị trấn Đầm D, huyện Đầm D, tỉnh Cà Mau.

3. Chị Trương Thị H, sinh năm 1970 (vắng mặt)  
Cư trú tại: Ấp Vàm Đ, xã Nguyễn H, huyện Đầm D, tỉnh Cà Mau.
  4. Ông Huỳnh Ngọc L, sinh năm 1963 (vắng mặt)  
Cư trú tại: Ấp Tân Th, xã Tân D, huyện Đầm D, tỉnh Cà Mau.
  5. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1963 (vắng mặt)  
Cư trú tại: Ấp Văn L, xã Nguyễn H, huyện Đầm D, tỉnh Cà Mau.
  6. Ông Phạm Việt Kh (vắng mặt)  
Cư trú tại: Ấp Tân H, xã Nguyễn H, huyện Đầm D, tỉnh Cà Mau.
  7. Bà Nguyễn Thị Bé B, sinh năm 1954 (vắng mặt)
  8. Ông Lê Thanh H, sinh năm 1954 (có mặt)
  9. Bà Phạm Thị Thu H, sinh năm 1954 (vắng mặt)
  10. Ông Lê Hùng Th, sinh năm 1965 (Đại lý Trần Thanh T-vắng mặt)
  11. Bà Phạm Xuân Đ (vắng mặt)
  12. Bà Lữ Thị H (vắng mặt)
  13. Chị Trần Kim T, sinh năm 1980 (có mặt)
  14. Chị Liêu Thị Phương Th, sinh năm 1979 (vắng mặt)  
Cùng cư trú tại: Ấp Vàm Đ, xã Nguyễn H, huyện Đầm D, tỉnh Cà Mau.
  15. Chị Phạm Minh L, sinh năm 1971 (vắng mặt)  
Cùng cư trú tại: Ấp Đồng T B, xã Tân D, huyện Đầm D, tỉnh Cà Mau.
  16. Ông Ngô Công Th, sinh năm 1968 (có mặt)  
Cùng cư trú tại: Ấp Hải A, xã Nguyễn H, huyện Đầm D, tỉnh Cà Mau.
- *Người kháng cáo:* Anh Lâm Tuấn K – Nguyên đơn.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- *Nguyên đơn anh Lâm Tuấn K trình bày:* Theo quyết định số 06/2018/QĐST-HNGĐ ngày 19/01/2018, quyết định công nhận anh và chị D thuận tình ly hôn, tài sản chung tự thỏa thuận và nợ chung không có. Nhưng sau khi ly hôn thì tài sản chung không thể thỏa thuận phân chia được. Nay anh yêu cầu phân chia  $\frac{1}{2}$  diện tích đất 30.300m<sup>2</sup> tọa lạc ấp Vàm Đ, xã Nguyễn H do anh đứng tên quyền sử dụng, anh thế chấp giấy chứng nhận cho Ngân hàng vay 250.000.000 đồng.

- *Bị đơn chị Phạm Kiều D trình bày:* Chị đồng ý phân chia đất như anh K trình bày nhưng anh K có trách nhiệm trả  $\frac{1}{2}$  các khoản nợ chung như sau:

Nợ ông Lê Thanh H 165.000.000 đồng, chị Trần Kim T 150.000.000 đồng, ông Nguyễn Văn T 99.000.000 đồng, chị Lữ Thị H 100.000.000 đồng, chị Trương Thị H 50.000.000 đồng, bà Nguyễn Thị Bé B 35.000.000 đồng, bà Phạm Xuân Đ (Ngân hàng chính sách xã hội huyện Đầm D) 10.000.000 đồng, ông Phạm Việt Kh 50.000.000 đồng, bà Phạm Thị Thu H 05 chỉ vàng 24k, ông Trần Thanh T

80.000.000 đồng, bà Phạm Minh L 60.000.000 đồng, ông Ngô Công Th 100.000.000 đồng, Ngân hàng nông nghiệp huyện Đầm D 250.000.000 đồng.

- *Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

*Ông Lê Thanh H trình bày:* Ngày 21/3/2015 anh K và chị D có vay của ông 100.000.000 đồng, thời hạn vay đến ngày 21/8/2015 trả vốn, lãi suất 1.000.000 đồng/100.000.000 đồng/tháng, có làm biên nhận do anh K ký nhận. Khi anh K và chị D ly hôn, ông có đến nhà đòi nợ và anh K nói đã giao nhà đất cho chị D hưởng, chị D có trách nhiệm trả nợ cho ông. Do đó, ông đưa lại biên nhận gốc cho anh K hủy bỏ và chị D ký nhận nợ cho ông ngày 09/01/2018. Ngoài ra, ông còn tham gia dùm cho anh K và chị D dây hụi 5.000.000 đồng mở ngày 15/02/2017 ăn tổng 32 chung, tham gia 01 chung, mỗi tháng khui 02 lần, chủ hụi tên Liêu Thị Phương Thảo. Đến ngày 30/3/2017 anh K và chị D nhờ ông hốt hụi được số tiền 124.000.000 đồng (đã trừ tiền hoa hồng 3.000.000 đồng). Sau khi hốt hụi thì có đóng hụi chết đến ngày 15/10/2017 ăn, còn lại 13 lần ông đã xuất ra đóng dùm 65.000.000 đồng, hụi mãi ngày 30/4/2018 ăn. Nay ông yêu cầu tính lãi suất của tiền vay từ ngày 21/8/2015 cho đến ngày Tòa án thụ lý vụ án là 36 tháng bằng 36.000.000 đồng. Tổng ông yêu cầu anh K và chị D trả lại số tiền 201.000.000 đồng, mỗi người có trách nhiệm trả  $\frac{1}{2}$ .

*Ông Ngô Công Th trình bày:* Ông làm chủ hụi và mở dây hụi 2.000.000 đồng ngày 15/01/2017 ăn, một tháng khui 01 lần, gồm 36 chung, anh K và chị D tham gia 02 chung. Đến ngày 15/3/2017 ăn bỏ hụi 200.000 đồng hốt được số tiền 45.400.000 đồng (đã trừ tiền hoa hồng 1.500.000 đồng); đến ngày 15/5/2017 ăn bỏ hụi 740.000 đồng hốt được số tiền 45.560.000 đồng (đã trừ tiền hoa hồng). Sau khi hốt hụi thì góp hụi đến lần thứ 7 ngày 15/7/2017 ăn thì ngưng góp hụi cho đến nay. Khi đó chung hụi thứ nhất góp hụi chết được 05 lần bằng 20.000.000 đồng, chung hụi thứ hai góp hụi chết được 02 lần bằng 8.000.000 đồng. Dây hụi này đến thời điểm xét xử hụi chết được 23 lần, ông đã lấp hụi được 16 lần bằng 64.000.000 đồng, còn lại 13 lần chưa khui hụi bằng 52.000.000 đồng. Quá trình chơi hụi anh K, chị D là người tham gia nhưng việc vào hụi là do anh K gặp trực tiếp ông kêu cho vợ anh chơi hụi. Nay ông yêu cầu anh K và chị D trả cho ông số tiền 116.000.000 đồng, mỗi người có trách nhiệm trả  $\frac{1}{2}$ .

*Chị Trần Kim T trình bày:* Ngày 10/4/2017 chị D và anh K vay 100.000.000 đồng, lãi suất 1.000.000 đồng/tháng, thời gian vay khoản 03 tháng, từ khi vay đã trả trả lãi đầy đủ đến ngày 10/6/2018 ăn. Ngày 07/7/2017 ăn chị D và anh K hỏi mượn thêm 50.000.000 đồng. Thỏa thuận khi nào vợ chồng anh K thu hoạch tôm thì hoàn trả lại cho chị. Nay chị khởi kiện yêu cầu anh K và chị D trả cho chị tổng số tiền 150.000.000 đồng, mỗi người có trách nhiệm trả  $\frac{1}{2}$ .

*Tại bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 272/2018/HNGĐ-ST ngày 29 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Đầm D quyết định:*

1. Về tài sản chung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện phân chia tài sản chung của anh Lâm Tuấn K.

Hướng Đông: Điểm M2 O1 dài 45.6 m giáp đất ông Lê Văn Mạnh.

Hướng Nam: Điểm M801 dài 347.5m tiếp giáp phần đất anh K được hưởng.

Hướng Bắc: Điểm M1M2 dài 328,0m tiếp giáp đất Kiều Trung Kiên.

1.2. Phân chia cho anh Lâm Tuấn K được hưởng diện tích đất 18.914 m<sup>2</sup> là phần đất còn lại sau khi đã phân chia cho chị D và ½ giá trị nhà, cổng bằng 35.000.000 đồng (ba mươi lăm triệu đồng).

2.1. Buộc anh Lâm Tuấn K có nghĩa vụ trả cho ông Lê Thanh H số tiền vay là 68.000.000 đồng (Sáu mươi tám triệu đồng), trả cho ông Ngô Công Th số tiền hụi là 41.256.275 đồng (Bốn mươi một triệu hai trăm năm mươi sáu nghìn hai trăm bảy mươi lăm đồng).

4

Giao dịch hội giữa ông Th và anh K, chị D kết thúc kể từ ngày xét xử sơ thẩm.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

3.1. Anh Lâm Tuấn K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 5.462.813 đồng (Năm triệu bốn trăm sáu mươi hai nghìn tám trăm mười ba đồng); án phí phân chia tài sản chung anh K phải chịu 25.603.886 đồng (Hai mươi lăm triệu sáu trăm lẻ ba nghìn tám trăm tám mươi sáu đồng). Tổng anh K phải chịu 31.066.699 đồng (Ba mươi một triệu không trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm chín mươi chín đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 2.190.000 đồng (Hai triệu một trăm chín mươi nghìn đồng) theo Biên lai thu số 009925 ngày 21/5/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm D, anh K còn phải nộp 28.876.699 đồng (Hai mươi tám triệu tám trăm bảy mươi sáu nghìn sáu trăm chín mươi chín đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3.2. Chị Phạm Kiều D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 16.212.813 đồng (Mười sáu triệu hai trăm mười hai nghìn tám trăm mười ba đồng) và án phí phân chia tài sản chung là 14.534.586 đồng (Mười bốn triệu năm trăm ba mươi bốn nghìn năm trăm tám mươi sáu đồng). Tổng cộng chị D phải chịu là 30.747.399 đồng (Ba mươi triệu bảy trăm bốn mươi bảy nghìn ba trăm chín mươi chín đồng).

3.3. Ông Lê Thanh H, chị Trần Kim T, ông Ngô Công Th không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Ông H thuộc trường hợp miễn án phí theo quy định, ông Th dự nộp 2.500.000 đồng theo Biên lai thu số 0010438 ngày 28/9/2018, chị Thanh dự nộp 3.750.000 đồng theo Biên lai thu số 0010453 ngày 10/10/2018 được nhận lại tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm D.

4. Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Anh Lâm Tuấn K phải chịu 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng - anh K đã dự nộp và đối chiếu xong). Chị Phạm Kiều D phải chịu 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng), chị D có trách nhiệm nộp số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm D để hoàn trả lại cho anh K.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên lãi suất chậm trả và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 10/12/2018 anh Lâm Tuấn K kháng cáo yêu cầu sửa một phần bản án sơ thẩm, theo hướng số tiền nợ vay ông H và tiền nợ hội của ông Th là nợ riêng của chị D, không phải nợ chung của anh và chị D. Tại phiên tòa ông Lâm Tuấn K giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa phát biểu: Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử tiến hành đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự; các đương sự chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ theo pháp luật quy định. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự: Không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của anh Lâm Tuấn K; Giữ y bản án sơ thẩm.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Xét việc vắng mặt của Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam phòng giao dịch ngân hàng chính sách xã hội huyện Đầm D, bà Trương Thị H, ông Huỳnh Ngọc L, ông Nguyễn Văn T, ông Phạm Việt K, bà Nguyễn Thị Bé B, bà Phạm Thị Thu H, ông Lê Hùng Th (Trần Thanh T), bà Lữ Thị H, chị Liêu Thị Phương Th, chị Phạm Minh L, bà Phạm Xuân Đ vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự trên là có căn cứ pháp luật.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của anh Lâm Tuấn K thấy rằng:

Theo nội dung yêu cầu kháng cáo, tại phiên tòa phúc thẩm anh K trình bày, anh không đồng ý với bản án sơ thẩm buộc anh phải có nghĩa vụ trả cho ông Lê Thanh H số tiền vay là 68.000.000 đồng, lý do ông Lê Thanh H có đưa ra tờ biên nhận nợ ngày 09/01/2018, nhưng thời điểm này vợ chồng anh đã được Tòa án thụ lý và hai bên đã thống nhất ly hôn, trong biên nhận nợ này không có chữ ký của anh, anh không có nhận biên nhận nợ lại từ ông H và không có xé biên nhận nợ vào ngày 09/01/2018 như ông H, chị D trình bày. Bản án sơ thẩm cho rằng lời trình bày của chị D và ông H trình bày phù hợp với nhau là vào ngày 21/3/2015 ả chị D và anh K có vay ông H số tiền 100.000.000 đồng để nuôi tôm công nghiệp là nhận định chủ quan, do ngày 21/02/2016 ông H có thừa nhận có quan hệ tình cảm với vợ anh là chị D, nên hai người cấu kết với nhau để buộc anh trả nợ cho ông H.

Tại phiên tòa phúc thẩm ông Lê Thanh H trình bày, ông đồng ý với bản án sơ thẩm buộc anh K và chị D mỗi người trả cho ông số tiền vay là 68.000.000 đồng, không có kháng cáo. Ông H không đồng ý yêu cầu kháng cáo của anh K, ông yêu cầu ông K trả tiền vay cho ông 68.000.000 đồng, nếu không chứng minh được nợ vay của ông là của chung anh K và chị D thì ông đồng ý để chị D trả hết nợ cho ông. Tại phiên tòa Chị D không đồng ý lời trình bày của ông K, chị D cho rằng số nợ 100.000.000 đồng và lãi 36.000.000 đồng là nợ chung của chị và anh K, chị D đồng ý trả cho ông H 68.000.000 đồng, anh K trả 68.000.000 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy, qua xem xét toàn diện các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, lời trình bày các đương sự thấy rằng: Bản án sơ thẩm buộc anh Lâm Tuấn K trả cho ông Lê Thanh H 68.000.000 đồng tiền vay là chưa có cơ sở vững chắc. Bởi lẽ, trong suốt quá trình giải quyết vụ án anh K không thừa nhận có vay tiền của ông H, tại phiên tòa ông H xuất trình biên nhận nợ do anh H tự đánh máy và chị D ký tên, anh K không có ký tên vào biên nhận ngày 09/01/2018; ông H cho rằng đưa biên nhận nợ lại cho anh K và anh K xé bỏ nhưng không có căn cứ chứng minh. Ngoài ra, bản án sơ thẩm cho rằng lời trình bày của chị D và ông H trình bày phù hợp với nhau là ngày 21/3/2015 ả chị D và anh K có vay ông H số tiền 100.000.000 đồng để nuôi tôm là chưa khách quan, do giữa anh K và ông H có

mâu thuẫn với nhau trong việc anh H có mối quan hệ tình cảm không lành mạnh với chị D và có viết bản cam kết với anh K vào ngày 21/02/2016, nên lời trình bày của ông H và chị D không còn yếu tố khách quan. Tại phiên tòa ông H không có chứng cứ chứng minh là có biên nhận nợ ngày 21/3/2015 và có ông K ký tên. Do đó, kháng cáo của anh K về phần nợ 68.000.000 đồng của ông H là có cơ sở chấp nhận.

Tại phiên tòa chị D vẫn thừa nhận nợ ông H và có ký biên nhận nợ vào ngày 09/01/2018. Xét thấy, biên nhận ngày 09/01/2018 do ông H tự đánh máy, chị D ký tên, anh K không có ký tên, tuy biên nhận này có trong lúc anh K và chị D chưa có quyết định ly hôn, nhưng thời gian này anh K, chị D đã mâu thuẫn, Tòa án đã thụ lý và hai người đã đồng ý ly hôn và có quyết định ly hôn ngày 19/01/2018, nên việc chị D ký nhận nợ của ông H không phải là nợ chung của anh K và chị D nên chị D có trách nhiệm trả cho anh H số tiền 136.000.000 đồng.

[3] Đối với số tiền nợ hụi của ông Ngô Công Th anh K kháng cáo cho rằng: Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào tờ xác minh hụi viên và việc chơi hụi trong thời kỳ hôn nhân để chấp nhận yêu cầu của ông Th buộc ông trả số tiền 41.256.275 đồng là không đúng. Bởi xác nhận của hụi viên chỉ xác định bà D có chơi hụi chứ không xác định là anh K có biết và trực tiếp tham gia chơi hụi. Vì từ trước khi xảy ra mâu thuẫn và tới thời điểm hiện tại anh K xác định ông Th không có cho anh biết về việc vợ chồng anh có chơi hụi, chỉ đến khi ra Tòa án chia tài sản chung của anh với chị D, khi ông Th yêu cầu trả nợ thì anh mới được biết về việc chơi hụi

Xét thấy: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ và lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa hôm nay thì thấy việc chơi hụi giữa anh K, chị D với ông Th là có xảy ra trên thực tế và trong thời kỳ hôn nhân của anh K, chị D. Anh K không thừa nhận việc chơi hụi vì cho rằng mình không biết và không đồng ý trả cho ông Th số tiền nợ hụi là 41.256.275 đồng. Tại phiên tòa anh K thừa nhận đây hụi ông Th mở vào ngày 15/01/2017 al, thời gian này anh và chị D là vợ chồng, sinh hoạt chung, nuôi con chung, không có ly thân và chị D xác định việc hốt 02 chung hụi lấy tiền hụi hốt được là để sử dụng, chi tiêu chung của gia đình, việc tham gia chơi hụi, góp tiền hụi và đóng hụi chết của chị D công khai, diễn ra trong thời gian lâu dài anh K cũng thừa nhận. Do đó, bản án sơ thẩm xác định số tiền nợ hụi của ông Th là nợ chung của hai vợ chồng, anh K là chồng chị D phải cùng có trách nhiệm trả nợ và mỗi người phải trả cho ông Th số tiền hụi là 41.256.275 đồng là hoàn toàn có căn cứ, nên không chấp nhận kháng cáo của ông K.

[4] Từ những phân tích ở trên, Hội đồng xét xử xét thấy chấp nhận một phần kháng cáo của anh Lâm Tuấn K, sửa một phần bản án sơ thẩm số: 272/2018/HNGĐ-ST ngày 29 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Đầm D, tỉnh Cà Mau.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tại phiên tòa về việc không chấp nhận kháng cáo của ông K về số tiền vay ông H là chưa phù hợp nên được Hội đồng xét xử có điều chỉnh lại.

[6] Những quyết định khác của án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không giải quyết; có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận một phần kháng cáo của anh Lâm Tuấn K:

- Chấp nhận kháng cáo của anh Lâm Tuấn K về việc ông không đồng ý trả cho ông Lê Thanh H số tiền nợ vay 68.000.000 đồng, nên không buộc anh K trả cho ông H 68.000.000 đồng, chị Phạm Kiều D phải trả cho ông Lê Thanh H tổng số tiền ông H yêu cầu là 136.000.000 đồng.

- Không chấp nhận kháng cáo của anh Lâm Tuấn K về việc anh không đồng ý trả tiền nợ hui cho ông Ngô Công Th số tiền 41.256.275 đồng nên buộc anh K trả cho ông Th 41.256.275 đồng.

Sửa một phần bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 272/2018/HNGĐ-ST ngày 29 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Đầm D.

1. Về tài sản chung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện phân chia tài sản chung của anh Lâm Tuấn K.

1.1. Phân chia cho chị Phạm Kiều D được hưởng diện tích đất 18.708 m<sup>2</sup> trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do anh Lâm Tuấn K đứng tên quyền sử dụng diện tích đất 30.300m<sup>2</sup> tại thửa số 60, 61, tờ bản đồ số 09, đất tọa lạc ấp Vàm Đ, xã Nguyễn H, huyện Đầm D, tỉnh Cà Mau, có các hướng tiếp giáp:

Hướng Đông: Điểm M2 O1 dài 45.6 m giáp đất ông Lê Văn Mạnh.

Hướng Tây: Điểm M1M8 dài 67,0m tiếp giáp Kinh Ông Mau.

Hướng Nam: Điểm M8O1 dài 347.5m tiếp giáp phần đất anh K được hưởng.

Hướng Bắc: Điểm M1M2 dài 328,0m tiếp giáp đất Kiều Trung Kiên.

Chị D được hưởng hai căn nhà: Nhà trước có kích thước 6,4m x 21,4m = 136,96m<sup>2</sup> có kết cấu nền lót gạch Ceramic, cột cây gỗ địa phương, vách lá, mái lợp Fibroxi-măng, nhà sau có kích thước 6m x 5,4m = 32,4m<sup>2</sup> có kết cấu nền xi-măng, vách lá, cột cây gỗ địa phương và một cống sỏ dài 30m, cao trung bình 1,8m, độ dày một tấc, diện tích 15,3m<sup>3</sup>. Chị D phải hoàn trả lại cho anh K ½ giá trị nhà, công bằng 35.000.000 đồng (Ba mươi lăm triệu đồng).

1.2. Phân chia cho anh Lâm Tuấn K được hưởng diện tích đất 18.914 m<sup>2</sup> là phần đất còn lại sau khi đã phân chia cho chị D và ½ giá trị nhà, công bằng 35.000.000 đồng (ba mươi lăm triệu đồng).

2. Về phần nợ người khác: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện độc lập của ông Lê Thanh H, ông Ngô Công Th và chị Trần Kim T.

2.1. Buộc anh Lâm Tuấn K có nghĩa vụ trả cho ông Ngô Công Th số tiền hui là 41.256.275 đồng (Bốn mươi một triệu hai trăm năm mươi sáu nghìn hai trăm bảy mươi lăm đồng).

2.2. Buộc chị Phạm Kiều D có nghĩa vụ trả cho ông Lê Thanh H số tiền vay là 136.000.000 đồng và tiền hui là 65.000.000 đồng, trả cho ông Ngô Công Th số tiền hui là 41.256.275 đồng (Bốn mươi một triệu hai trăm năm mươi sáu nghìn hai trăm bảy mươi lăm đồng), trả cho chị Trần Kim T số tiền vay là 150.000.000 đồng.

Giao dịch hui giữa ông Th và anh K, chị D kết thúc kể từ ngày xét xử sơ thẩm.

Kể từ ngày anh K, ông H, ông Th, chị Th có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong số tiền phải trả thì hàng tháng anh K, chị D còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Anh Lâm Tuấn K phải chịu 3.000.000 đồng, anh K đã dự nộp và đối chiếu xong. Chị Phạm Kiều D phải chịu 3.000.000 đồng, chị D có trách nhiệm nộp số tiền 3.000.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm D để hoàn trả lại cho anh K.

4. Về án phí:

4.1. Án phí dân sự có giá ngạch:

Anh Lâm Tuấn K phải chịu án phí dân sự có giá ngạch về chia nợ chung là 2.062.813 đồng và án phí dân sự có giá ngạch phân chia tài sản chung anh K phải chịu 27.203.109 đồng. Tổng anh K phải chịu 29.265.922 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 2.190.000 đồng theo Biên lai thu số 009925 ngày 21/5/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm D, anh K còn phải nộp 27.075.922 đồng.

Chị Phạm Kiều D phải chịu án phí dân sự có giá ngạch về trách nhiệm trả nợ là 19.612.813 đồng và án phí dân sự có giá ngạch phân chia tài sản chung là 11.136.386. Tổng cộng chị D phải chịu là 30.749.199 đồng.

Ông Lê Thanh H, chị Trần Kim T, ông Ngô Công Th không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Ông H thuộc trường hợp miễn án phí theo quy định, ông Th dự nộp 2.500.000 đồng theo Biên lai thu số 0010438 ngày 28/9/2018, chị Thanh dự nộp 3.750.000 đồng theo Biên lai thu số 0010453 ngày 10/10/2018 được nhận lại tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm D.

4.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Anh Lâm Tuấn K không phải chịu 300.000 đồng, đã qua ngày 10/12/2018 anh K có dự nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0008826 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm D được nhận lại.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.*

Các quyết định khác của án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện Đầm D;
- Chi cục THADS huyện Đầm D;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn A Đam**